

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
T PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:13/2023/DS-ST

Ngày: 06-4-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Nhật Trường***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đoàn Sơn Lâm**

2. Ông **Nguyễn Tấn Đạt**

- *Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Mỹ Y** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, thành phố C.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, thành phố C tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lễ**- Kiểm sát viên.*

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, T phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Trụ sở: Số 2 L, phường T, quận B, T phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Chi nhánh huyện V – Cần Thơ II.

Địa chỉ: Số A2-05 Đường P, ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 - Chức vụ: Giám đốc (theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019)

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Vĩnh N - Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh (theo văn bản ủy quyền số 84/NHNo-UQ ngày 25/7/2022)

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1976 và bà Võ Thị D, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, thành phố C.

(Ông N, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt bà D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh N trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 11/09/2013, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện V- Cần Thơ II (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với ông L đại diện vay thể hiện qua, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10/9/2013 sổ vay vốn, sổ lưu từ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ ngày 11/9/2013 để vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, mục đích nuôi bò thịt ngày trả cuối cùng là ngày 10/9/2014. Để đảm bảo khoản vay ông L có thể chấp tài sản Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 248 tờ bản đồ 04 diện tích 4.000m² số vào sổ cấp giấy chứng nhận 000330 đất trồng lúa do Ủy ban nhân dân huyện T cũ cấp ngày 02/01/2001 hộ ông Huỳnh Văn L nhưng không có đăng ký thế chấp. Ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 11/9/2014 nên ông L đã để phát sinh nợ quá hạn gốc và lãi kéo dài T1 trạng chậm trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc yêu cầu ông L, bà D trả nợ nhưng bên vay vẫn không chủ động trả nợ cho Ngân hàng.

Do vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu hộ ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị D thanh toán số nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 06/4/2023 là 110.931.250 đồng trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi trong hạn là 41.375.000đồng lãi quá hạn là 19.555.250 và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/4/2023 cho đến khi bị đơn trả xong nợ gốc theo lãi suất của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn và sổ vay vốn số NA 3695992 ngày 11/9/2013. Ngân hàng sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 248 tờ bản đồ 04 diện tích 4.000m² số vào sổ cấp giấy chứng nhận 000330 đất trồng lúa do ủy ban nhân dân huyện T cũ cấp ngày 02/01/2001 hộ ông Huỳnh Văn L khi phía bị đơn thanh toán xong tất cả các khoản nợ trên.

Tại bản tự khai ngày 04/4/2023 ông L trình bày ông có vay số tiền 50.000.000 đồng của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện V- Cần Thơ II để nuôi bò do ông đại diện hộ ký tên và bà Võ Thị D cũng có ký tên trong giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn và sổ vay vốn với mối quan hệ là vợ của tôi do vợ chồng tôi làm ăn kinh tế khó khăn không có khả năng trả nợ nên đã nợ Ngân hàng cho đến ngày hôm nay nay ông đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng về số

tiền nợ gốc và tiền nợ lãi quá hạn và xin trả số tiền trên trong thời hạn 12 tháng và ông xin xét xử vắng mặt.

Bà Võ Thị D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền 110.931.250 đồng trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi trong hạn là 41.375.000 đồng lãi quá hạn là 19.555.250 và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/4/2023 cho đến khi bị đơn trả xong nợ gốc theo lãi suất của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, và sổ vay vốn số NA 3695992 ngày 11/9/2013. Ghi nhận Ngân hàng sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 248 tờ bản đồ 04 diện tích 4.000m² số vào sổ cấp giấy chứng nhận 000330 đất trồng lúa do ủy ban nhân dân huyện T cũ cấp ngày 02/01/2001 hộ ông Huỳnh Văn L khi phía bị đơn thanh toán xong tất cả các khoản nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi Nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Ông N, ông L Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nghi, ông L, bà D theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227. khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng thẻ tín dụng ký kết giữa một bên chủ thẻ đăng ký kinh doanh và một bên là chủ thẻ không có đăng ký kinh doanh, sử dụng tiền vay vào mục đích tiêu dùng nên chưa hội đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là hợp đồng dân sự thẻ tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại địa phận huyện V. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, loại việc trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố C.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hội đồng xét xử xét thấy trước đây ông Huỳnh Văn L có đến Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện V, thành phố C II đại diện ký Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn, sổ vay vốn và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ ngày 11/9/2013 để vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, mục đích nuôi bò thịt ngày trả cuối cùng là ngày 10/9/2014.

[4] Xét giao dịch giữa Ngân hàng và hộ ông Huỳnh Văn L được xác lập trên cơ sở tự nguyện bà D có ký tên trong sổ vay vốn và Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn xác nhận quan hệ là vợ của ông L, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập T văn bản có chữ ký, xác nhận của các bên, không bị lừa dối, hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội nên giao dịch dân sự trên là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy hiện tại ông L bà D đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện V nhưng khoản tiền vay này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông L bà D, tại thời điểm vay tiền vào năm 2013 thì vợ chồng ông L, bà D vẫn còn sống chung, xây dựng kinh tế chung mục đích vay vốn là nuôi bò là để cùng nhau phát triển kinh tế phục vụ nhu cầu trong gia đình, thực hiện các quyền và nghĩa vụ chung theo luật định nên bà D vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới cùng ông L trả nợ cho Ngân hàng quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét thấy mức lãi suất trong hạn, lãi quá hạn, các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp với quy định pháp luật. Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo lãi suất trong hạn, lãi quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trong quá trình vay ông Huỳnh Văn L bà Võ Thị D đã nhận đủ số tiền vay là 50.000.000đ. Từ ngày vay ông L không đóng lãi và trả nợ gốc cho Ngân hàng, Ngân hàng có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng ông L, cố T1 tránh né không hợp tác. Nên còn nợ lại số tiền gốc là 50.000.000đ và tiền lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06/4/2023 không đóng lãi. Việc ông L không đóng lãi và trả nợ gốc cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết và Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị D trả tổng số tiền là 110.931.250 đồng trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi trong hạn là 41.375.000đ lãi quá hạn là 19.555.250 và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/4/2023 cho đến khi bị đơn trả xong nợ gốc theo lãi suất theo quy định của hợp đồng đã ký ngày 11/9/2013 là có căn cứ phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc Ngân hàng đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa 248 tờ bản đồ 04 diện tích 4.000m² số vào sổ cấp giấy chứng nhận 000330 đất

trồng lúa do ủy ban nhân dân huyện T cũ cấp ngày 02/01/2001 hộ ông Huỳnh Văn L khi phí bị đơn thanh toán xong tất cả các khoản nợ trên đúng quy định pháp luật nên được ghi nhận

[6] Đối bà Võ Thị D sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả L cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Ông L thì đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng và xin trả dần số nợ trên trong thời hạn 12 tháng. Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Đối với việc xin trả dần của ông L trong thời hạn 12 tháng không được nguyên đơn đồng ý và cũng nhằm mục đích kéo dài thời gian trả nợ cho Ngân hàng nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị D trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 110.931.250 đồng trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi trong hạn là 41.375.000 đồng lãi quá hạn là 19.555.250 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/4/2023 cho đến khi bị đơn trả xong nợ gốc theo lãi suất theo quy định của hợp đồng đã ký ngày 11/9/2013.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 470, điểm b khoản 1 điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh huyện V- thành phố C II).

Buộc hộ ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 110.931.250 đồng trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi trong hạn là 41.375.000 đồng lãi quá hạn là 19.555.250 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 07/4/2023 cho đến khi bị đơn trả xong nợ gốc theo lãi suất theo quy định

của hợp đồng đã ký ngày 11/9/2013

Ghi nhận sự tự nguyện: Nguyên đơn trả lại cho bị đơn bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 248, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.000m², tọa lạc ấp Q, xã T, (huyện T cũ) nay là huyện V, thành phố C cấp ngày 02/01/2001 do ông Huỳnh Văn L đại diện hộ đứng tên, khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ gốc 50.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh đối với khoản vay này tại thời điểm thanh toán.

Về án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị D phải nộp 5.546.500 đồng (*năm triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm đồng*).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.657.000đ (*hai triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0006503 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, thành phố C.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. C;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Nhật Trường

